

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Trần Duy Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon BN, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Đình L, sinh năm 1979 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm NNT, xã NM, huyện Q, Tp. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Đỗ Đình L năm 2005, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là Đỗ Nguyễn Thành L1, sinh ngày 15/8/2006 và Đỗ Nguyễn Đình L2, sinh ngày 14/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, anh L là người sống gia trưởng nên thường xuyên chửi bới, thỉnh

thoảng có đánh đập chị M. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Chị M cho rằng tình cảm đối với anh L không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị M đồng ý giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đỗ Đình L trong quá trình giải quyết vụ án: Anh L thừa nhận việc kết hôn với chị Nguyễn Thị M, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như chị M trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thành L1, sinh ngày 15/8/2006 và Đỗ Nguyễn Đình L2, sinh ngày 14/6/2013. Do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, anh L cũng không còn tình cảm với chị M nên đồng ý ly hôn, đề nghị giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự do các đương sự có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đỗ Đình L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đỗ Nguyễn Thành L1, sinh ngày 15/8/2006 và Đỗ Nguyễn Đình L2, sinh ngày 14/6/2013 cho anh Đỗ Đình L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0002288 ngày 15/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Mai khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Đình L có nơi cư trú tại xóm NNT, xã NM, huyện Q, Tp. Hà Nội, do chị M và anh L có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết vụ án nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị M với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 12/4/2005, chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Đình L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, cả chị M và anh L đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị M và anh L đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị M khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh L, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị M với anh L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Đình L có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Nguyễn Thành L1, sinh ngày 15/8/2006 và Đỗ Nguyễn Đình L2, sinh ngày 14/6/2013 đến tuổi trưởng thành, chị M đồng ý và các con chung cũng có nguyện vọng ở với anh L, vì vậy cần giao các con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đỗ Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Thành L1, sinh ngày 15/8/2006 và Đỗ Nguyễn Đình L2, sinh ngày 14/6/2013 cho anh Đỗ Đình L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu chị M lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M.

Chị Nguyễn Thị M, anh Đỗ Đình L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M

đã nộp theo biên lai số 0002288 ngày 15/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
 - VKSND huyện Tuy Đức;
 - Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
 - UBND xã ĐL, huyện B
- tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

